

# **Công ty Cổ phần SAM Holdings**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



# Công ty Cổ phần SAM Holdings

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 41

# Công ty Cổ phần SAM Holdings

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần SAM Holdings ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 059162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30 tháng 3 năm 1998, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 02/GPPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ký ngày 2 tháng 6 năm 2000.

Hoạt động kinh doanh đăng ký trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các loại cáp, vật liệu viễn thông, vật liệu dân dụng; bobin gỗ (trục gỗ dùng quấn dây cáp); xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; sản xuất và kinh doanh sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại; cho thuê văn phòng; đầu tư phát triển kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh sân golf; dịch vụ lưu trú, dịch vụ du lịch.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hải Dương	Chủ tịch	
Ông Hoàng Trí Cường	Phó Chủ tịch	
Ông Đào Ngọc Thanh	Phó Chủ tịch	từ nhiệm ngày 8 tháng 10 năm 2018
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	
Ông Trần Hải Quang	Thành viên	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Nguyên	Trưởng Ban	từ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2019
Bà Vũ Thị Thanh Thủy	Thành viên	
Bà Chung Thị Kiều Ngân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Minh Hà	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 2 năm 2018

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Việt Anh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018
Ông Trần Anh Vương	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018
Ông Phương Thành Long	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2018
Ông Phạm Ngọc Tùng	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 31 tháng 1 năm 2019
		bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2018
		từ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2018
Ông Hà Hoàng Thế Quang	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 12 tháng 3 năm 2018

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Việt Anh	bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018
Ông Trần Anh Vương	từ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2018

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần SAM Holdings

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SAM Holdings ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để ngày 11 tháng 3 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Việt Anh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 61354714/20329393

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần SAM Holdings**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần SAM Holdings (“Công ty”) được lập ngày 11 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 41, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán của chúng tôi đề ngày 11 tháng 3 năm 2019 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Quang Minh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 0426-2018-004-1

Dương Thị Nữ  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 3796-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>682.152.011.560</b>	<b>939.799.415.178</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>9.882.861.607</b>	<b>3.434.471.549</b>
111	1. Tiền		9.882.861.607	3.434.471.549
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>304.990.313.434</b>	<b>541.431.482.512</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		391.118.428.057	581.735.572.135
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(86.128.114.623)	(40.304.089.623)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>366.653.895.357</b>	<b>382.898.665.785</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		-	401.488.090
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		818.400.000	318.423.350
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	7.600.000.000	11.700.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	358.235.495.357	370.478.754.345
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		-	<b>5.523.039.839</b>
141	1. Hàng tồn kho		-	5.523.039.839
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>624.941.162</b>	<b>6.511.755.493</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		126.378.205	956.530.116
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		94.209.823	4.012.518.919
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	404.353.134	1.542.706.458

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.877.933.694.789</b>	<b>2.458.544.933.370</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>71.266.978.880</b>	<b>126.800.000.000</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	6.800.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	71.266.978.880	120.000.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>304.764.681</b>	<b>564.232.677</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	72.154.685	99.012.677
222	Nguyên giá		16.064.884.550	16.064.884.550
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(15.992.729.865)	(15.965.871.873)
227	2. Tài sản cố định vô hình		232.609.996	465.220.000
228	Nguyên giá		697.830.000	697.830.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(465.220.004)	(232.610.000)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	9	-	<b>24.351.472.557</b>
231	1. Nguyên giá		-	29.827.371.443
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		-	(5.475.898.886)
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	10	<b>2.805.526.534.172</b>	<b>2.304.059.373.287</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.867.888.892.000	1.814.800.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		696.200.970.000	617.442.966.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		415.400.000.000	16.500.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(173.963.327.828)	(144.683.592.713)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>835.417.056</b>	<b>2.769.854.849</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		835.417.056	2.381.874.560
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	21.3	-	387.980.289
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.560.085.706.349</b>	<b>3.398.344.348.548</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.037.570.600.321</b>	<b>926.976.659.029</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>403.916.200.321</b>	<b>214.095.855.179</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	176.442.264	10.897.072.879
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	88.192.241	306.901.417
314	3. Phải trả người lao động		593.112.882	597.530.563
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	17.911.692.287	12.102.109.289
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	94.303.825.869	19.324.879.831
320	6. Vay ngắn hạn	15	289.983.522.914	170.452.651.078
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		859.411.864	414.710.122
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>633.654.400.000</b>	<b>712.880.803.850</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		60.000.000	780.803.850
338	2. Vay dài hạn	15	633.594.400.000	712.100.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.522.515.106.028</b>	<b>2.471.367.689.519</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>2.522.515.106.028</b>	<b>2.471.367.689.519</b>
411	1. Vốn cổ phần		2.490.362.630.000	2.417.857.030.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.490.362.630.000	2.417.857.030.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		142.970.000	142.970.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		32.009.506.028	53.367.689.519
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	23.385.721.684
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		32.009.506.028	29.981.967.835
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.560.085.706.349</b>	<b>3.398.344.348.548</b>



Võ Ý Thảo  
Người lập



Nguyễn Thanh Xuân  
Kế toán trưởng



Trần Việt Anh  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	175.751.595.508	16.660.481.520
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	(64.266.324.260)	(11.230.722.129)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		111.485.271.248	5.429.759.391
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	200.221.640.580	255.110.872.527
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	19	(202.973.770.913) (94.997.534.226)	(202.572.748.514) (87.643.819.372)
25	6. Chi phí bán hàng	20	(13.206.379.636)	-
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(24.541.302.518)	(28.972.506.969)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		70.985.458.761	28.995.376.435
31	9. Thu nhập khác		84.000.000	598.611.111
40	10. Lợi nhuận khác		84.000.000	598.611.111
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		71.069.458.761	29.593.987.546
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(17.347.247.005)	-
52	13. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	21.3	(387.980.289)	387.980.289
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		53.334.231.467	29.981.967.835



Võ Ý Thảo  
Người lập



Nguyễn Thanh Xuân  
Kế toán trưởng



Trần Việt Anh  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>71.069.458.761</b>	<b>29.593.987.546</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		971.570.124	1.683.672.248
03	Các khoản dự phòng		75.103.760.115	102.586.396.854
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(146.863.256.188)	(131.693.103.095)
06	Chi phí lãi vay	19	94.997.534.226	87.643.819.372
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>95.279.067.038</b>	<b>89.814.772.925</b>
09	Giảm các khoản phải thu		60.943.663.225	20.964.316.161
10	Giảm hàng tồn kho		5.523.039.839	-
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		29.600.843.834	(12.761.932.113)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		2.376.609.415	(1.636.404.427)
13	Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh		190.617.144.078	(364.085.411.885)
14	Tiền lãi vay đã trả		(95.474.410.346)	(85.683.118.594)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(16.208.893.681)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.742.113.216)	(349.050.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>270.914.950.186</b>	<b>(353.736.827.933)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
22	Tiền thu do nhượng bán bất động sản đầu tư		101.679.760.000	-
23	Tiền chi cho vay		(41.800.000.000)	(300.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		5.600.000.000	400.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(555.779.315.412)	(204.148.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		111.414.885.800	240.364.652.500
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia		73.392.837.648	76.399.496.902
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(305.491.831.964)</b>	<b>112.716.149.402</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	15	463.703.261.651	1.251.338.399.297
34	Tiền trả nợ gốc vay	15	(422.677.989.815)	(1.056.901.905.590)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	16.2	-	(8.184.155)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>41.025.271.836</b>	<b>194.428.309.552</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>6.448.390.058</b>	<b>(46.592.368.979)</b>
60	Tiền đầu năm		3.434.471.549	50.026.840.528
70	Tiền cuối năm	4	9.882.861.607	3.434.471.549

  
Võ Ý Thảo  
Người lập

  
Nguyễn Thanh Xuân  
Kế toán trưởng

  
Trần Việt Anh  
Tổng Giám đốc



Ngày 11 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần SAM Holdings ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 059162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30 tháng 3 năm 1998, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 02/GPPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ký ngày 2 tháng 6 năm 2000.

Hoạt động kinh doanh đăng ký trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các loại cáp, vật liệu viễn thông, vật liệu dân dụng; bobin gỗ (trục gỗ dùng quấn dây cáp); xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; sản xuất và kinh doanh sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại; cho thuê văn phòng; đầu tư phát triển kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh sân golf; dịch vụ lưu trú, dịch vụ du lịch.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 152/11B Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 28 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 23).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 10.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đề ngày 11 tháng 3 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.3 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### 3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 10 năm
Máy móc và thiết bị	6 năm
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	8 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Thương hiệu	3 năm

#### 3.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc và thiết bị	6 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc năm tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

#### 3.12 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	-	21.500.000
Tiền gửi ngân hàng	<u>9.882.861.607</u>	<u>3.412.971.549</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.882.861.607</u></b>	<b><u>3.434.471.549</u></b>

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Mã cổ phiếu	Số cuối năm			Số đầu năm			Dự phòng	Dự phòng
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng		
Chứng khoán kinh doanh:									
- Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP (*)	DVN	283.624.800.000	203.196.000.000	(80.428.800.000)	283.624.800.000	248.862.000.000	(34.762.800.000)		
- Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (*)	DNP	97.995.673.350	107.971.200.000	-	-	-	-		
- Công ty Cổ phần Alphanam	ALP	7.243.518.147	1.772.604.084	(5.470.914.063)	7.243.518.147	1.772.604.084	(5.470.914.063)		
- Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	VAF	1.762.360.000	2.565.987.200	-	1.762.360.000	2.291.060.000	-		
- Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan dầu khí	PVD	492.076.560	263.676.000	(228.400.560)	492.076.560	421.701.000	(70.375.560)		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	TTF	-	-	-	147.060.363.199	153.760.700.100	-		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	DXG	-	-	-	141.552.410.600	159.908.995.050	-		
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	SHI	-	-	-	43.629	43.629	-		
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>391.118.428.057</b>	<b>315.769.467.284</b>	<b>(86.128.114.623)</b>	<b>581.735.572.135</b>	<b>567.017.103.863</b>	<b>(40.304.089.623)</b>		

(\*) Cổ phiếu Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP và Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh số 15.2 và 15.3).

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

	Mã cổ phiếu	Số đầu năm	Mua trong năm	Bán trong năm	Số cuối năm
<i>Lý do thay đổi các khoản đầu tư như sau:</i>					
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	DNP	-	6.748.200	-	6.748.200
- Về số lượng		-	97.995.673.350	-	97.995.673.350
- Về giá trị					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	TTF	20.806.590	-	(20.806.590)	-
- Về số lượng		147.060.363.199	-	(147.060.363.199)	-
- Về giá trị					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	DXG	7.420.371	-	(7.420.371)	-
- Về số lượng		141.552.410.600	-	(141.552.410.600)	-
- Về giá trị					
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	SHI	5	-	(5)	-
- Về số lượng		43.629	-	(43.629)	-
- Về giá trị					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

		Số cuối năm	Số đầu năm
			VND
Cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	(i)	7.600.000.000	11.400.000.000
Cho vay bên khác		-	300.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>7.600.000.000</u></b>	<b><u>11.700.000.000</u></b>

(i) Chi tiết khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan như sau:

Bên vay	Số cuối năm	Lãi suất cho vay	Hình thức đảm bảo
	VND	(%/năm)	
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt</b>			
Khoản cho vay 1	6.500.000.000	9,5%	Tín chấp
<b>Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao</b>			
Khoản cho vay 2	<u>1.100.000.000</u>	11,5%	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.600.000.000</u></b>		

Đây là các khoản cho vay ngắn hạn có kỳ hạn trả gốc từ ba (3) đến mười hai (12) tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>358.235.495.357</b>	<b>370.478.754.345</b>
Đặt cọc nhận chuyển nhượng cổ phần	123.122.423.412	185.000.000.000
- Mua cổ phần của doanh nghiệp trong lĩnh vực bất động sản	123.122.423.412	-
- Mua cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	-	112.000.000.000
- Mua cổ phần khác	-	73.000.000.000
Vốn góp hợp đồng hợp tác đầu tư ("HĐHTĐT") (i)	127.850.000.000	50.000.000.000
Phải thu từ chuyển nhượng vốn	105.780.149.500	106.935.347.500
Tạm ứng nhân viên	20.255.000	2.468.066.059
Cổ tức phải thu	-	24.975.000.000
Khác	1.462.667.445	1.100.340.786
<b>Dài hạn</b>	<b>71.266.978.880</b>	<b>120.000.000.000</b>
Vốn góp HĐHTĐT (ii)	71.000.000.000	120.000.000.000
Đặt cọc	266.978.880	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>429.502.474.237</u></b>	<b><u>490.478.754.345</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu các bên khác	408.080.619.464	412.116.493.246
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	21.421.854.773	78.362.261.099

(i) Chi tiết khoản vốn góp HĐHTĐT ngắn hạn như sau:

- Khoản vốn góp HĐHTĐT trị giá 127.850.000.000 VND với các cá nhân trong năm 2018 liên quan đến việc ủy thác đầu tư để mua cổ phần doanh nghiệp, chứng khoán kinh doanh.

(ii) Chi tiết các khoản vốn góp HĐHTĐT dài hạn như sau:

- Khoản vốn góp HĐHTĐT trị giá 70.000.000.000 VND với Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai ("Nhựa Đồng Nai") trong năm 2016 liên quan đến việc mua cổ phiếu của Công ty TNHH Nhà nước MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế ("Huewaco") để Nhựa Đồng Nai trở thành cổ đông chiến lược của Huewaco. Hàng năm, Công ty sẽ nhận được cổ tức hoặc lỗ tương ứng với tỷ lệ giá trị đầu tư.
- Khoản vốn góp trị giá 1.000.000.000 VND góp vốn trong HĐHTĐT với cá nhân theo hợp đồng số 12/2018/HĐHT/SAM-VA ngày 25 tháng 7 năm 2018.

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					VND
Số đầu năm và số cuối năm	11.906.769.352	134.290.000	2.654.682.718	1.369.142.480	16.064.884.550
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	11.906.769.352	-	2.654.682.718	1.369.142.480	15.930.594.550
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(11.906.769.352)	(35.277.323)	(2.654.682.718)	(1.369.142.480)	(15.965.871.873)
Khấu hao trong năm	-	(26.857.992)	-	-	(26.857.992)
Số cuối năm	(11.906.769.352)	(62.135.315)	(2.654.682.718)	(1.369.142.480)	(15.992.729.865)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	-	99.012.677	-	-	99.012.677
Số cuối năm	-	72.154.685	-	-	72.154.685



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bất động sản đầu tư cho thuê (Thuyết minh số 9.1)	-	13.139.650.738
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá	-	11.211.821.819
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>24.351.472.557</b>

**9.1 Bất động sản đầu tư cho thuê**

	VND		
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	17.665.549.624	950.000.000	18.615.549.624
Thanh lý	(17.665.549.624)	(950.000.000)	(18.615.549.624)
Số cuối năm	-	-	-
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Số đầu năm	(5.159.232.228)	(316.666.658)	(5.475.898.886)
Khấu hao trong năm	(632.935.464)	(79.166.664)	(712.102.128)
Thanh lý	5.792.167.692	395.833.322	6.188.001.014
Số cuối năm	-	-	-
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	12.506.317.396	633.333.342	13.139.650.738
Số cuối năm	-	-	-

**10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 10.1)	1.867.888.892.000	1.814.800.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 10.2)	696.200.970.000	617.442.966.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 10.3)	415.400.000.000	16.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(173.963.327.828)	(144.683.592.713)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.805.526.534.172</b>	<b>2.304.059.373.287</b>

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 10.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Kinh doanh khu du lịch, sân golf	99,75%	897.300.000.000	99,75%	897.300.000.000
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Sản xuất dây cáp	99,92%	499.600.000.000	99,90%	499.500.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom (i)	Kinh doanh bất động sản	74,99%	301.988.892.000	74,58%	300.000.000.000
Công ty TNHH Sacom Chip Sáng	Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng	73,75%	118.000.000.000	73,75%	118.000.000.000
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao (ii)	Trồng trọt, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh nông sản	51,00%	51.000.000.000	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.867.888.892.000</b>		<b>1.814.800.000.000</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(150.353.003.338)		(125.648.413.547)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>			<b>1.717.535.888.662</b>		<b>1.689.151.586.453</b>

(i) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh số 15.4).

(ii) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 300.000 cổ phần Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao ("SAT") từ các cổ đông sáng lập khác với tổng giá trị nhận chuyển nhượng là 3.000.000.000 VND theo Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 5 năm 2018. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tăng từ 48% lên 51% và SAT chuyển từ công ty liên kết thành công ty con của Công ty. Ngoài ra, Công ty có thực hiện việc góp vốn thêm vào SAT trị giá 32.000.000.000 VND theo các thông báo góp vốn trong năm.

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 10.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (i)	Kinh doanh dịch vụ du lịch	34,96%	537.552.970.000	29,06%	425.384.970.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Phát triển hạ tầng	45%	155.500.000.000	45%	155.500.000.000
Công ty Cổ phần Capella Việt Nam	Tổ chức sự kiện và quảng cáo	31,48%	3.148.000.000	31,48%	3.148.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường	Sản xuất thiết bị, vật liệu điện, viễn thông	-	-	33,74%	17.409.996.000
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Trồng trọt, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh nông sản	-	-	48,00%	16.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>696.200.970.000</b>		<b>617.442.966.000</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(10.110.324.490)		(5.535.179.166)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>			<b>686.090.645.510</b>		<b>611.907.786.834</b>

(i) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ được dùng làm tài sản thế chấp để phát hành trái phiếu (Thuyết minh số 15.2) và khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh số 15.4).

Vào ngày 18 tháng 12 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 7.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ trên sàn giao dịch chứng khoán. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tăng từ 29,06% lên 34,96%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**10.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần (*)	398.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Alphanam	13.500.000.000	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu Điện	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Vietferm	500.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>415.400.000.000</b>	<b>16.500.000.000</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>401.900.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>

(\*) Vào ngày 1 tháng 11 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 24.000.000 cổ phiếu, tương đương 8%, của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty Cổ phần theo Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 4 năm 2018.

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên khác	176.442.264	655.735.279
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Lạc Viên	62.150.000	25.344.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Thanh Hiền	39.565.000	66.343.000
- Công ty TNHH Thiết kế Quảng cáo Táo Xanh	34.353.000	-
- Công ty Cổ phần Quảng cáo Việt Mai	-	260.187.400
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bcons	-	250.000.000
- Phải trả đối tượng khác	40.374.264	53.860.879
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	-	10.241.337.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>176.442.264</b>	<b>10.897.072.879</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế TNDN	1.542.706.458	16.208.893.681	(17.347.247.005)	404.353.134
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	306.901.417	1.852.819.808	(2.071.528.984)	88.192.241
Thuế GTGT	-	6.009.931.519	(6.009.931.519)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>306.901.417</b>	<b>7.862.751.327</b>	<b>(8.081.460.503)</b>	<b>88.192.241</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	16.723.611.167	11.855.359.293
Khác	1.188.081.120	246.749.996
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.911.692.287</b>	<b>12.102.109.289</b>

**14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận vốn góp Hợp đồng hợp tác đầu tư ("HĐHTĐT") (*)	80.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	7.046.811.547	12.391.939.541
Ký quỹ để chuyển nhượng khoản đầu tư	5.000.000.000	5.000.000.000
Cổ tức	1.373.514.169	1.373.514.169
Khác	883.500.153	559.426.121
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>94.303.825.869</b>	<b>19.324.879.831</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	88.064.119.217	6.697.212.891
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	6.239.706.652	12.627.666.940

(\*) Chi tiết các khoản nhận vốn góp HĐHTĐT ngắn hạn như sau:

- Khoản nhận vốn góp HĐHTĐT trị giá 60.000.000.000 VND thời hạn 12 tháng từ ngày 14 tháng 9 năm 2018 với Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư và Phát triển Lĩnh Phong - C.O.N.I.C liên quan đến việc ủy thác đầu tư. Công ty cam kết mức lợi nhuận tương đương với lãi suất là 10%/năm trên tổng giá trị vốn nhận góp trong HĐHTĐT.
- Khoản nhận vốn góp HĐHTĐT trị giá 20.000.000.000 VND thời hạn 12 tháng từ ngày 11 tháng 10 năm 2018 với Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia liên quan đến việc ủy thác đầu tư để đầu tư phát triển dự án bất động sản hoặc hoạt động tài chính khác. Công ty cam kết mức lợi nhuận tối thiểu là 8%/năm trên tổng giá trị vốn nhận góp trong HĐHTĐT.

Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

15. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại lại	Số cuối năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>170.452.651.078</b>	<b>463.703.261.651</b>	<b>(418.677.989.815)</b>	<b>74.505.600.000</b>	<b>289.983.522.914</b>
Vay từ các bên liên quan (Thuyết minh số 15.1, 15.5 và 22)	112.000.000.000	165.500.000.000	(182.000.000.000)	27.713.500.000	123.213.500.000
Trái phiếu (Thuyết minh số 15.2)	-	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 15.4)	-	-	-	46.792.100.000	46.792.100.000
Vay từ Công ty chứng khoán (Thuyết minh số 15.3)	58.452.651.078	198.203.261.651	(236.677.989.815)	-	19.977.922.914
<b>Dài hạn</b>	<b>712.100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(4.000.000.000)</b>	<b>(74.505.600.000)</b>	<b>633.594.400.000</b>
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 15.4)	467.921.000.000	-	-	(46.792.100.000)	421.128.900.000
Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 15.5 và 22)	244.179.000.000	-	(4.000.000.000)	(27.713.500.000)	212.465.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>882.552.651.078</b>	<b>463.703.261.651</b>	<b>(422.677.989.815)</b>	<b>-</b>	<b>923.577.922.914</b>

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 15. VAY (tiếp theo)

#### 15.1 Các khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ các bên liên quan để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
<b>Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom</b>				
Hợp đồng vay số 02/2018/SDC-SACOM/HĐVV	25.000.000.000	Ngày 24 tháng 6 năm 2019	6%	Tín chấp
Hợp đồng vay số 01/2018/SDC-SACOM/HĐVV	8.500.000.000	Ngày 11 tháng 4 năm 2019	6%	Tín chấp
	<u>33.500.000.000</u>			
<b>Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom</b>				
Hợp đồng vay số 03/2018/SAM-SAMLAND/HĐVV	5.000.000.000	Ngày 11 tháng 1 năm 2019	9,6%	Tín chấp
<b>Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia</b>				
Hợp đồng vay số 23/2018/HĐVV-SAM	57.000.000.000	Ngày 19 tháng 10 năm 2019	8%	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>95.500.000.000</b></u>			

### 15.2 Trái phiếu

Chi tiết khoản trái phiếu để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
<b>Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank</b>				
Phát hành ngày 9 tháng 7 năm 2018	<u>100.000.000.000</u>	1 năm	9,9%	Hình thức bảo đảm
				11.800.000 cổ phiếu phổ thông Tổng Công ty Được Việt Nam - CTCP; và 6.227.805 cổ phiếu phổ thông Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 15. VAY (tiếp theo)

#### 15.3 Vay ngắn hạn từ Công ty Chứng khoán

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ Công ty Chứng khoán để mua chứng khoán kinh doanh được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
<b>Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội</b>				
Hợp đồng số 28651/2018/SHS-GDKQ	<u>19.977.922.914</u>	Ngày 26 tháng 2 năm 2019	13%-13,5%	6.748.200 cổ phiếu phổ thông của Cổ phần Nhựa Đồng Nai

#### 15.4 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn đầu tư Dự án Sacom Resort Tuyên Lâm - Đà Lạt được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
-------------	----------------------	----------------	---------------------	-------------------

#### Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Hợp đồng số 020-042/17/VAB/HĐTĐTDH	<u>467.921.000.000</u>	Từ ngày 12 tháng 7 năm 2019 đến ngày 12 tháng 4 năm 2024	11,5%	20.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom; và 28.261.620 cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ
------------------------------------	------------------------	---	-------	---

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả	46.792.100.000
- Vay dài hạn	421.128.900.000



## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 15. VAY (tiếp theo)

#### 15.5 Vay dài hạn từ bên liên quan

Chi tiết khoản vay dài hạn từ bên liên quan để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
<b>Công ty Cổ phần Sacom - Tuyên Lâm</b>				
Hợp đồng số 01/2017/SAM-STL/HĐVV	<u>240.179.000.000</u>	Từ ngày 14 tháng 7 năm 2019 đến ngày 14 tháng 4 năm 2024	11,5%	Tin chấp
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả	27.713.500.000			
- Vay dài hạn	212.465.500.000			

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 16.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					VND
Số dư đầu năm	1.802.353.360.000	406.943.449.943	150.829.313.956	82.006.037.785	2.442.132.161.684
Tăng vốn cổ phần	615.503.670.000	(406.943.449.943)	(150.686.343.956)	(57.873.876.101)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	29.981.967.835	29.981.967.835
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(746.440.000)	(746.440.000)
Số dư cuối năm	2.417.857.030.000	-	142.970.000	53.367.689.519	2.471.367.689.519
<b>Năm nay</b>					
Số dư đầu năm	2.417.857.030.000	-	142.970.000	53.367.689.519	2.471.367.689.519
Cổ tức bằng cổ phiếu (*)	72.505.600.000	-	-	(72.505.600.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	53.334.231.467	53.334.231.467
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.186.814.958)	(2.186.814.958)
Số dư cuối năm	2.490.362.630.000	-	142.970.000	32.009.506.028	2.522.515.106.028

(\*) Vào ngày 28 tháng 12 năm 2018, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 7.250.560 cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức 2017 bằng cổ phiếu với giá trị là 72.505.600.000 VND theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 43/2018/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 8 năm 2018.

Vào ngày 28 tháng 1 năm 2019, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 25 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 2.490.362.630.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**16.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	2.417.857.030.000	1.802.353.360.000
Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2017	72.505.600.000	-
Tăng vốn trong năm	-	615.503.670.000
Số cuối năm	<u>2.490.362.630.000</u>	<u>2.417.857.030.000</u>
<b>Cổ tức đã trả trong năm</b>		
Cổ tức đã trả	-	8.184.155

**16.3 Cổ phiếu phổ thông**

	Số cuối năm Số cổ phiếu	Số đầu năm Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	249.036.263	241.785.703
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	249.036.263	241.785.703
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	249.036.263	241.785.703

**17. DOANH THU**

**17.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	101.679.760.000	-
Doanh thu bán hàng hóa bất động sản	70.000.000.000	-
Doanh thu cho thuê văn phòng	4.071.835.508	5.062.836.720
Doanh thu bán hàng hóa	-	11.597.644.800
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>175.751.595.508</b></u>	<u><b>16.660.481.520</b></u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên khác	105.049.328.562	15.565.422.177
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	70.702.266.946	1.095.059.343

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**17. DOANH THU (tiếp theo)**

**17.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	131.398.773.963	122.285.732.437
Cổ tức nhận được	46.287.056.800	62.702.956.361
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	19.849.691.800	66.115.000.000
Thu nhập từ lãi cho vay, lãi tiền gửi	2.686.118.017	4.007.183.729
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>200.221.640.580</u></b>	<b><u>255.110.872.527</u></b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa bất động sản	39.300.643.439	-
Giá vốn bất động sản đầu tư	24.389.469.462	-
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	576.211.359	997.506.129
Giá vốn hàng bán	-	10.233.216.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>64.266.324.260</u></b>	<b><u>11.230.722.129</u></b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	94.997.534.226	87.643.819.372
Dự phòng các khoản đầu tư	75.103.760.115	102.586.396.854
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	32.038.254.528	2.537.972.451
Phí môi giới thanh lý khoản đầu tư	-	7.222.222.222
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư	-	1.132.036.995
Khác	834.222.044	1.450.300.620
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>202.973.770.913</u></b>	<b><u>202.572.748.514</u></b>

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>13.206.379.636</b>	<b>-</b>
- Chi phí môi giới	13.206.379.636	-
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>24.541.302.518</b>	<b>28.972.506.969</b>
- Chi phí lương	12.419.146.189	10.735.369.401
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.457.122.059	4.679.181.228
- Chi phí khấu hao và hao mòn	674.913.322	1.065.047.122
- Chi phí khác	5.990.120.948	12.492.909.218
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>37.747.682.154</u></b>	<b><u>28.972.506.969</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**21.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.347.247.005	-
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	387.980.289	(387.980.289)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.735.227.294</b>	<b>(387.980.289)</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>71.069.458.761</b>	<b>29.593.987.546</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	14.213.891.752	5.918.797.509
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	12.754.802.457	13.322.281.519
Cổ tức nhận được	(9.257.411.360)	(12.540.591.272)
Lỗ năm trước chuyển sang	(364.035.844)	(7.088.468.045)
Khác	387.980.289	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>17.735.227.294</b>	<b>(387.980.289)</b>

**21.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**21.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<u>Bảng cân đối kế toán riêng</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Lỗ thuế chuyển sang các năm sau	-	387.980.289	(387.980.289)	387.980.289
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>387.980.289</b>		
<b>(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại</b>			<b>(387.980.289)</b>	<b>387.980.289</b>

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
				VND
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	Doanh thu từ việc chuyển nhượng dự án Cho vay Vay Cổ tức Phí môi giới Chi phí lãi vay Chi phí dịch vụ Lãi cho vay Chi hộ	70.000.000.000 40.000.000.000 25.000.000.000 14.916.000.000 11.985.360.000 1.649.014.023 346.129.033 105.555.556 18.059.327	- - - 22.496.501.061 - 12.580.150.472 1.108.483.587 - 228.039.839
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	Vay Cổ tức Chi phí lãi vay Doanh thu cho thuê Mua thành phẩm	33.500.000.000 7.492.500.000 607.267.260 356.032.180 -	235.700.000.000 24.975.000.000 2.791.594.231 830.464.432 10.233.216.000
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Công ty con	Góp vốn Cho vay Chi phí dịch vụ Lãi cho vay	32.000.000.000 1.100.000.000 30.000.000 14.556.164	16.000.000.000 - - -

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	VND
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Bên liên quan	Vay Góp vốn HĐQT Lãi vay Cho vay Lãi cho vay	57.000.000.000 20.000.000.000 924.493.151 700.000.000 631.944	- - - - -	- - - - -
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	Chi phí lãi vay Doanh thu cho thuê Chi phí dịch vụ Vay	27.775.598.699 346.234.766 70.039.399 -	31.709.636.103 264.594.911 762.637.076 249.279.000.000	- - - -
Ông Phương Thành Long	Phó Tổng Giám đốc	Góp vốn HĐQT Tạm ứng	19.150.000.000 900.000.000	- -	- -
Ông Trần Việt Anh	Tổng Giám đốc	Góp vốn HĐQT Tạm ứng	1.000.000.000 2.295.670.000	- -	- -
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Công ty liên kết	Lãi cho vay	626.076.387	631.222.222	-
Công ty TNHH Sacom Chip Sáng	Công ty con	Lãi cho vay Chi phí dịch vụ	183.616.666 18.800.000	473.518.888 49.269.000	-
Công ty Cổ phần Capella Việt Nam	Công ty liên kết	Góp vốn	-	3.148.000.000	-
Ông Trần Anh Vương	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	-	2.991.861.059	-
Ông Hà Hoàng Thế Quang	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	-	282.000.000	-

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	Dịch vụ cho thuê	-	229.701.240	
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyên Lâm	Công ty con	Dịch vụ cho thuê	-	37.400.400	
			-	<b>267.101.640</b>	
<b>Phải thu khách hàng dài hạn</b>					
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	Chuyển nhượng dự án Giai Việt	-	6.800.000.000	
<b>Phải thu cho vay ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Công ty liên kết	Cho vay	6.500.000.000	6.500.000.000	
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Công ty con	Cho vay	1.100.000.000	-	
Công ty TNHH Sacom Chip Sáng	Công ty con	Cho vay	-	4.900.000.000	
			<b>7.600.000.000</b>	<b>11.400.000.000</b>	



## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>					
Ông Phương Thành Long	Phó Tổng Giám đốc	Góp vốn HĐQT	19.150.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	Công ty liên kết	Lãi cho vay	1.257.298.609	631.222.222	631.222.222
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ	14.556.164	-	-
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	Cổ tức	-	24.975.000.000	24.975.000.000
Ông Trần Anh Vương	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	-	2.427.811.059	2.427.811.059
Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	Công ty con	Lãi cho vay	-	117.478.888	117.478.888
			<b>20.421.854.773</b>	<b>28.362.261.099</b>	<b>28.362.261.099</b>
<b>Phải thu dài hạn khác</b>					
Ông Trần Việt Anh	Tổng Giám đốc	Góp vốn HĐQT	1.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	Góp vốn HĐQT	-	50.000.000.000	50.000.000.000
			<b>1.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	Mua thành phẩm	-	10.241.337.600	10.241.337.600

## Công ty Cổ phần SAM Holdings

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### 22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>					
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	Lãi vay	5.978.154.013	6.687.872.760	
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	Lãi vay	144.164.383	467.191.781	
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	Thu hộ Lãi vay Chi hộ	105.555.556 - -	5.236.875.000 235.727.399	
Ông Trần Việt Anh	Tổng Giám đốc	Khác	11.832.700	-	
			<b>6.239.706.652</b>	<b>12.627.666.940</b>	
<b>Vay ngắn hạn</b>					
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	Vay	33.500.000.000	31.000.000.000	
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	Vay	27.713.500.000	-	
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con	Vay	5.000.000.000	81.000.000.000	
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Bên liên quan	Vay	57.000.000.000	-	
			<b>123.213.500.000</b>	<b>112.000.000.000</b>	
<b>Vay dài hạn</b>					
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con	Vay	212.465.500.000	244.179.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	<u>5.996.926.639</u>	<u>7.124.736.495</u>

**23. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG**

Một số dữ liệu tương ứng trong bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng của năm nay. Chi tiết như sau:

	VND		
	Số liệu theo báo cáo trước đây	Phân loại	Số liệu sau phân loại lại
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG</b>			
Hàng tồn kho	-	5.523.039.839	5.523.039.839
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.523.039.839	(5.523.039.839)	-
Tài sản cố định hữu hình	10.859.313.415	(10.760.300.738)	99.012.677
Tài sản cố định vô hình	2.844.570.000	(2.379.350.000)	465.220.000
Bất động sản đầu tư	11.211.821.819	13.139.650.738	24.351.472.557

**24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Võ Ý Thảo  
Người lập



Nguyễn Thanh Xuân  
Kế toán trưởng




Trần Việt Anh  
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2019